|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN****TỈNH TUYÊN QUANG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc** |
| Số: /2025/QĐ-UBND(DỰ THẢO) | *Tuyên Quang, ngày tháng năm 2025* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định một số nội dung về quản lý hoạt động xây dựng,**

**quản lý chất lượng, thi công xây dựng, bảo trì công trình xây dựng**

**trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ* *Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 02 năm 2015;* *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;*

*Căn cứ* *Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020; Luật đường sắt ngày 27 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 19 tháng 11 năm 2024;*

*Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn ngày 26 tháng 11 năm 2024;*

*Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về việc xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;*

*Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;*

*Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của**[Luật Đầu tư công](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Dau-tu/Luat-Dau-tu-cong-2024-so-58-2024-QH15-621645.aspx%22%20%5Ct%20%22_blank);*

*Căn cứ Nghị định số 98/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước để mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; chi thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng và các nhiệm vụ cần thiết khác;*

*Căn cứ Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;*

*Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số /TTr-SXD ngày ...tháng 7 năm 2025 về việc Quyết định ban hành Quy định một số nội dung về quản lý hoạt động xây dựng, quản lý chất lượng, thi công xây dựng, bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;*

*Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang Quyết định ban hành Quy định một số nội dung về quản lý hoạt động xây dựng, quản lý chất lượng, thi công xây dựng, bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.**Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định một số nội dung về quản lý hoạt động xây dựng, quản lý chất lượng, thi công xây dựng, bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

**Điều 2.**Bãi bỏ toàn bộ các Quyết định sau đây do Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang và Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang đã ban hành trước ngày 01 tháng 7 năm 2025, bao gồm:

1. Quyết định số 02/2021/QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc phân cấp thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng và quy định điều kiện về quy mô của công trình xây dựng được cấp giấy phép xây dựng có thời hạn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

2. Quyết định số 09/2021/QĐ-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang phân cấp thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở của dự án đầu tư xây dựng công trình và kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

3. Quyết định số 20/2022/QĐ-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang Phân cấp quản lý nhà nước về chất lượng, thi công xây dựng, bảo trì công trình xây dựng và quy định lộ trình thực hiện đánh giá an toàn công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

4. Quyết định số 21/2022/QĐ-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành Quy định về quản lý trật tự xây dựng; phân cấp quản lý trật tự xây dựng và tiếp nhận hồ sơ thông báo khởi công xây dựng đối với các công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

5. Quyết định số 22/2024/QĐ-UBND ngày 01 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành Quy định quy trình thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng các dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

6. Quyết định số 21/2024/QĐ-UBND ngày 28 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang về việc phân cấp kiểm tra việc thực hiện pháp luật trong các lĩnh vực quản lý nhà nước ngành xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Giang;

7. Quyết định số 39/2024/QĐ-UBND ngày 14 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang phân cấp thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng và quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Giang;

8. Quyết định số 55/2024/QĐ-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang phân cấp trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2025.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các Ban, Ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường; các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Văn phòng Chính phủ;- Bộ Xây dựng; - Thường trực Tỉnh ủy; (Báo cáo)- Thường trực HĐND tỉnh; - Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;- Vụ Pháp chế - Bộ Xây dựng;- Cục KTVB&QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;- Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh;- Sở Tư pháp (Để tự kiểm tra và đăng tải CSDL);- Thường trực HĐND, UBND xã, phường;- Báo và Đài PTTH tỉnh;- Như Điều 3; (thi hành)- Các Phó chánh VP UBND tỉnh;- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;- Công báo tỉnh Tuyên Quang;- Lưu: VT, QHĐTXD (......). | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN** **CHỦ TỊCH** |

|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN****TỈNH TUYÊN QUANG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc** |
|  |  |

**QUY ĐỊNH**

**Một số nội dung về quản lý hoạt động xây dựng, quản lý chất lượng, thi công xây dựng, bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /2025/QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Quy định này quy định một số nội dung về quản lý hoạt động xây dựng, quản lý chất lượng, thi công xây dựng, bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, bao gồm:

a) Phân cấp thẩm quyền sát hạch, cấp chứng chỉ hành nghề hạng I theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 77 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng *(viết tắt là Nghị định số 175/2024/NĐ-CP).*

b) Phân cấp thẩm quyền chấp thuận vị trí, hướng tuyến, tổng mặt bằng của dự án đầu tư xây dựng tại khu vực không có yêu cầu lập quy hoạch xây dựng, quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành khác làm căn cứ lập dự án đầu tư xây dựng theo quy định tại khoản 5 Điều 121 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP.

c) Phân cấp thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở của dự án đầu tư xây dựng theo quy định tại khoản 5, khoản 7 Điều 121 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP.

d) Quy trình thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng các dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư theo quy định tại khoản 5 Điều 121 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP.

đ) Phân cấp thẩm quyền quyết định đầu tư đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư theo quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 60 Luật Xây dựng (sửa đổi, bổ sung năm 2020, viết tắt là Luật Xây dựng).

e) Phân cấp thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 103 Luật Xây dựng và điểm b khoản 2 Điều 51 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP; Quy định quy mô, thời hạn tồn tại của công trình được cấp giấy phép xây dựng có thời hạn quy định tại điểm b khoản 1 Điều 94 Luật Xây dựng và điểm l khoản 1 Điều 57 Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn năm 2024) và khoản 1 Điều 61 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP.

g) Phân cấp thẩm quyền chấp thuận về địa điểm, quy mô xây dựng công trình và thời gian tồn tại của công trình tạm và chấp thuận việc tiếp tục khai thác sử dụng công trình xây dựng tạm quy định tại Điều 131 Luật Xây dựng .

h) Phân cấp quản lý trật tự xây dựng và tiếp nhận thông báo khởi công kèm theo hồ sơ thiết kế xây dựng theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 8 Điều 121 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP.

i) Phân cấp thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng, được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 1 Điều 123 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP *(viết tắt là Nghị định số 06/2021/NĐ-CP)*.

k) Phân cấp quản lý nhà nước về chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng theo quy định tại khoản 5 Điều 52 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP và quy định tại khoản 5 Điều 8 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

2. Những nội dung liên quan đến quản lý hoạt động xây dựng, quản lý chất lượng, thi công xây dựng, bảo trì công trình xây dựng không được quy định tại Quyết định này được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được trích dẫn tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, gồm: Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Công Thương *(gọi tắt là các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành)*, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Tuyên Quang; Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh Tuyên Quang.

2. Ủy ban nhân dân xã, phường *(sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã)*.

3. Cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã.

4. Chủ đầu tư xây dựng công trình; Chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình.

5. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan đến các hoạt động xây dựng, quản lý chất lượng, thi công xây dựng, bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

**Chương II**

**QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

**Điều 3. Phân cấp thẩm quyền sát hạch, cấp chứng chỉ hành nghề hạng I**

1. Sở Xây dựng thực hiện công tác sát hạch, cấp chứng chỉ hành nghề hạng I theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 77 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP.

2. Sở Xây dựng có trách nhiệm công khai danh sách cá nhân được cấp chứng chỉ hành nghề trên trang thông tin điện tử của mình theo quy định.

**Điều 4. Phân cấp chấp thuận vị trí, hướng tuyến, tổng mặt bằng của dự án đầu tư xây dựng tại khu vực không có yêu cầu lập quy hoạch xây dựng, quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành khác làm căn cứ lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng**

1. Ủy ban nhân dân cấp xã chấp thuận vị trí, hướng tuyến, tổng mặt bằng của dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính của xã; trừ dự án quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành chấp thuận vị trí, hướng tuyến, tổng mặt bằng của dự án đầu tư xây dựng thuộc chuyên ngành quản lý nằm trên địa bàn hai đơn vị hành chính cấp xã trở lên.

**Điều 5. Phân cấp thẩm quyền thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở của dự án đầu tư xây dựng**

1. Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng của người quyết định đầu tư:

a) Đối với các dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư và không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 15 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP, cơ quan chủ trì thẩm định được quy định như sau:

Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành chủ trì thẩm định, tổng hợp, trình phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình thuộc chuyên ngành quản lý đối với dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư; trừ dự án được đầu tư xây dựng trong các khu công nghiệp, khu kinh tế và dự án quy định tại điểm b, điểm c Khoản này.

Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh chủ trì thẩm định, tổng hợp, trình phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình đối với dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư được đầu tư trong phạm vi các khu công nghiệp, khu kinh tế được giao quản lý.

Cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện thẩm định, tổng hợp, trình phê duyệt dự án đầu tư xây dựng đối với dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư hoặc được phân cấp quyết định đầu tư theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Quy định này; trừ dự án quy định tại điểm b, điểm c Khoản này.

b) Thẩm quyền thẩm định dự toán xây dựng công trình, thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng đối với nhiệm vụ sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng sử dụng vốn chi thường xuyên ngân sách nhà nước thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định số 98/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước để mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; chi thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng và các nhiệm vụ cần thiết khác, được thực hiện như sau:

Đối với nhiệm vụ có dự toán kinh phí thực hiện dưới 500 triệu đồng: Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý công trình xây dựng tự tổ chức thẩm định, phê duyệt dự toán xây dựng công trình theo quy định.

Đối với nhiệm vụ có dự toán kinh phí thực hiện từ 500 triệu đồng trở lên đến 20 tỷ đồng: cơ quan, đơn vị quản lý công trình xây dựng tổ chức lập, trình đơn vị dự toán cấp I để thẩm định, phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng theo phân cấp quy định tại khoản 2 Điều 7 Quy định này.

Trường hợp cần thiết, đơn vị dự toán cấp I, cơ quan, đơn vị quản lý công trình xây dựng được lựa chọn hoặc yêu cầu lựa chọn tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực để thẩm tra các nội dung cần thiết phục vụ thẩm định.

c) Đối với các dự án không thuộc trường hợp quy định tại điểm a, điểm b Khoản này, người quyết định đầu tư giao cơ quan chuyên môn trực thuộc hoặc cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc (nếu có) hoặc tổ chức, cá nhân có chuyên môn, năng lực phù hợp với tính chất, nội dung của dự án (khi không có cơ quan chuyên môn trực thuộc) làm cơ quan chủ trì thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng.

2. Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở của dự án đầu tư xây dựng của cơ quan chuyên môn về xây dựng:

a) Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành thẩm định đối với dự án đầu tư xây dựng thuộc chuyên ngành quản lý theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 16, điểm b khoản 2 Điều 44 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP, trừ dự án quy định tại điểm b, điểm c Khoản này.

b) Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh thẩm định đối với dự án đầu tư xây dựng trong phạm vi các khu công nghiệp, khu kinh tế được giao quản lý.

c) Cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện thẩm định đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư.

d) Đối với dự án gồm nhiều công trình với nhiều loại và cấp khác nhau, thẩm quyền thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng được xác định theo công trình chính của dự án hoặc công trình chính có cấp cao nhất trong trường hợp dự án có nhiều công trình chính.

Trường hợp các công trình chính có cùng một cấp, người đề nghị thẩm định được lựa chọn trình thẩm định tại cơ quan chuyên môn về xây dựng theo một công trình chính của dự án. Cơ quan thực hiện thẩm định có trách nhiệm lấy ý kiến thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng theo chuyên ngành đối với các công trình chính còn lại trong quá trình thẩm định.

**Điều 6. Quy trình thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng các dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư**

1. Quy trình thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng

a) Cơ quan chủ trì thẩm định theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Quy định này có trách nhiệm thẩm định các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 57, khoản 2 Điều 58 Luật Xây dựng và Điều 18 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP đối với Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng; thẩm định các nội dung theo quy định tại khoản 3 Điều 57 Luật Xây dựng đối với Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng.

b) Quy trình thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng được thực hiện thống nhất theo trình tự quy định Điều 19 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP.

2. Quy trình phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng

a) Cơ quan chủ trì thẩm định có trách nhiệm tổng hợp kết quả thẩm định và trình người quyết định đầu tư phê duyệt dự án, quyết định đầu tư xây dựng theo quy định tại khoản 7 Điều 15 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP.

b) Việc phê duyệt dự án, quyết định đầu tư xây dựng theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP.

3. Quy trình thẩm định, phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng

a) Đối với dự án đầu tư xây dựng quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 61 Luật Xây dựng , quy trình thẩm định, phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng được thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

b) Đối với dự án đầu tư xây dựng quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d khoản 1 và khoản 4 Điều 61 Luật Xây dựng quy trình thẩm định, phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng thực hiện như sau:

Bước 1: Chủ đầu tư có tờ trình báo cáo người quyết định đầu tư đề nghị chấp thuận chủ trương điều chỉnh, đồng thời gửi cơ quan chủ trì thẩm định kiểm tra, xem xét, trình người quyết định đầu tư chấp thuận chủ trương điều chỉnh theo đề nghị của chủ đầu tư.

Bước 2: Cơ quan chủ trì thẩm định xem xét nội dung điều chỉnh, lấy ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan (nếu cần). Trường hợp nội dung điều chỉnh phù hợp với quy định pháp luật, cơ quan chủ trì thẩm định trình người quyết định đầu tư đề nghị chấp thuận chủ trương điều chỉnh.

Bước 3: Người quyết định đầu tư ban hành văn bản chấp thuận chủ trương điều chỉnh.

Bước 4. Chủ đầu tư tổ chức lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng điều chỉnh; trình Cơ quan chủ trì thẩm định theo quy định.

Bước 5: Cơ quan chủ trì tổ chức thẩm định, trình phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

**Điều 7. Phân cấp thẩm quyền quyết định đầu tư đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công do Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã quyết định đầu tư**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện thẩm quyền của người quyết định đầu tư theo quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 60 Luật Xây dựng đối với dự ánsử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công do cấp tỉnh quản lý chỉ yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng được đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính của xã, trừ dự án quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Thủ trưởng đơn vị dự toán cấp I thực hiện thẩm quyền của người quyết định đầu tư theo quy định tại khoản 4 Điều 60 Luật Xây dựng đối với nhiệm vụ sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng sử dụng vốn chi thường xuyên ngân sách cấp tỉnh có yêu cầu Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định số 98/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Thủ trưởng đơn vị dự toán cấp I chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật trước Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này; khi ban hành văn bản phê duyệt dự án, quyết định đầu tư phải gửi Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để báo cáo theo quy định.

**Điều 8. Phân cấp thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng; quy định quy mô, thời hạn của công trình được cấp giấy phép xây dựng có thời hạn; phân cấp thẩm quyền chấp thuận về địa điểm, quy mô xây dựng công trình và thời gian tồn tại của công trình tạm**

1. Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh cấp giấy phép xây dựng đối với công trình xây dựng trong phạm vi các khu công nghiệp, khu kinh tế được giao quản lý.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã cấp giấy phép xây dựng đối với công trình xây dựng trên địa bàn do mình quản lý, trừ các công trình do Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh cấp giấy phép xây dựng quy định tại khoản 1 Điều này.

Đối với công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng nằm trên địa bàn hai đơn vị hành chính cấp xã trở lên và không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, chủ đầu tư được lựa chọn gửi hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng tại Ủy ban nhân dân cấp xã của một trong các địa phương nơi dự án được đầu tư xây dựng. Ủy ban nhân dân cấp xã được lựa chọn khi cấp giấy phép xây dựng thì đồng thời gửi giấy phép xây dựng cho Ủy ban nhân dân cấp xã còn lại để phối hợp theo dõi, quản lý.

3. Công trình, nhà ở riêng lẻ được cấp giấy phép xây dựng có thời hạn phải đáp ứng các điều kiện chung quy định tại Điều 94 Luật Xây dựng và điểm k, l, m khoản 1 Điều 57 Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số năm 2024) và đáp ứng điều kiện về quy mô, thời hạn tồn tại của công trình cụ thể như sau:

a) Đối với nhà ở riêng lẻ: Quy mô 01 tầng, không có tầng hầm, tầng nửa hầm *(bao gồm cả trường hợp có tầng tum hoặc tầng lửng nhưng các tầng này đảm bảo điều kiện không tính vào số tầng cao của công trình theo quy định)*, chiều cao tính từ cao độ mặt đất đặt công trình tới điểm cao nhất của công trình (kể cả tầng tum hoặc mái dốc) tối đa không quá 6,0 m, tổng diện tích sàn hoặc diện tích tính theo kích thước phủ bì của mái che không quá 100 m2.

b) Đối với công trình xây dựng khác: Quy mô 01 tầng, không có tầng hầm, tầng nửa hầm *(bao gồm cả trường hợp có tầng tum hoặc tầng lửng nhưng các tầng này đảm bảo điều kiện không tính vào số tầng cao của công trình theo quy định)*, chiều cao tính từ cao độ mặt đất đặt công trình tới điểm cao nhất của công trình (kể cả tầng tum hoặc mái dốc) tối đa không quá 6,0 m, nhịp kết cấu lớn nhất nhỏ hơn 15 m, tổng diện tích sàn hoặc diện tích tính theo kích thước phủ bì của mái che không quá 400 m2.

c) Thời hạn tồn tại của công trình quy định tại điểm a, điểm b Khoản này không vượt quá thời hạn hiệu lực của quy hoạch đô thị và nông thôn.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã chấp thuận về địa điểm, quy mô xây dựng công trình và thời gian tồn tại của công trình tạm đối với công trình quy định tại khoản 2 Điều 131 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020) và chấp thuận việc tiếp tục khai thác sử dụng công trình xây dựng tạm quy định tại khoản 4 Điều 131 Luật Xây dựng.

**Điều 9. Quy định về quản lý trật tự xây dựng; phân cấp quản lý trật tự xây dựng và tiếp nhận thông báo khởi công xây dựng công trình**

1. Quy định về quản lý trật tự xây dựng

a) Tổ chức thi công xây dựng công trình xây dựng phải có giấy phép xây dựng do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp theo quy định, trừ trường hợp được miễn giấy phép xây dựng theo quy định.

b) Công khai giấy phép xây dựng tại địa điểm thi công xây dựng trong suốt quá trình thi công.

c) Tổ chức thi công xây dựng công trình đúng nội dung giấy phép xây dựng được cấp đối với trường hợp cấp giấy phép xây dựng mới, sửa chữa, cải tạo, di dời công trình và giấy phép xây dựng có thời hạn.

d) Thực hiện thủ tục để điều chỉnh, gia hạn giấy phép xây dựng (nếu có) theo quy định.

đ) Xây dựng công trình xây dựng phải đúng hồ sơ thiết kế xây dựng được thẩm định trong trường hợp được miễn giấy phép xây dựng; đúng theo quy hoạch theo pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn; đúng mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai; không được cơi nới, lấn chiếm diện tích, lấn chiếm không gian đang được quản lý, sử dụng hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác hoặc của khu vực công cộng, khu vực sử dụng chung.

e) Tổ chức thi công xây dựng phải có biện pháp che chắn không để rơi vãi vật liệu xây dựng xuống các khu vực xung quanh; để vật liệu xây dựng đúng nơi quy định.

g) Tổ chức thi công xây dựng công trình đảm bảo quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng; không được gây lún, nứt hoặc hư hỏng công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình lân cận hoặc gây sụp đổ hoặc có nguy cơ gây sụp đổ công trình lân cận.

2. Phân cấp quản lý trật tự xây dựng và tiếp nhận thông báo khởi công xây dựng công trình

a) Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm toàn diện trong công tác quản lý trật tự xây dựng các công trình xây dựng trên địa bàn hành chính của xã (trừ công trình bí mật nhà nước) theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 67 và khoản 9 Điều 121 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP; thực hiện tiếp nhận thông báo khởi công xây dựng công trình kèm theo hồ sơ thiết kế xây dựng, thực hiện kiểm tra và xử lý theo quy định.

b) Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh thực hiện tiếp nhận thông báo khởi công xây dựng công trình kèm theo hồ sơ thiết kế xây dựng đối với các công trình xây dựng trong phạm vi các khu công nghiệp, khu kinh tế được giao quản lý; phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã theo dõi, kiểm tra, phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời khi phát sinh vi phạm theo quy định.

**Điều 10.** **Phân cấp thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng**

Phân cấp cho cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu đối với công trình xây dựng trên địa bàn hành chính của xã (trừ công trình thuộc dự án được đầu tư xây dựng trên địa bàn hai đơn vị hành chính cấp xã trở lên), cụ thể như sau:

***Phương án 1:***

1. Công trình thuộc dự án sử dụng vốn đầu tư công do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư hoặc được phân cấp quyết định đầu tư theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Quy định này.

2. Công trình xây dựng mới có quy mô cấp III trở xuống hoặc công trình sửa chữa, cải tạo không ảnh hưởng đến an toàn chịu lực (không phân biệt cấp) thuộc dự án sử dụng vốn đầu tư công do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư; trừ dự án được đầu tư xây dựng trên địa bàn hai đơn vị hành chính cấp xã trở lên.

***Phương án 2:***

1. Công trình thuộc dự án sử dụng vốn đầu tư công do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư hoặc được phân cấp quyết định đầu tư theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Quy định này.

2. Công trình thuộc dự án sử dụng vốn đầu tư công do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư, cụ thể:

a) Công trình dân dụng: Công trình xây dựng mới có quy mô cấp III trở xuống, có số tầng *<* 2 tầng hoặc công trình sửa chữa, cải tạo không ảnh hưởng đến an toàn chịu lực (không phân biệt cấp);

b) Công trình công nghiệp: Công trình cấp IV;

c) Công trình giao thông: Công trình cấp IV;

d) Công trình hạ tầng kỹ thuật: Công trình cấp III trở xuống;

đ) Công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn: Công trình cấp IV.

**Điều 11.** **Phân cấp quản lý nhà nước về chất lượng,****thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng**

1. Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành thực hiện một số nội dung quản lý nhà nước về chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng đối với các công trình xây dựng thuộc chuyên ngành quản lý theo quy định tại điểm a, b, c, d khoản 4 Điều 52 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP, trừ các trường hợp thuộc thẩm quyền của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, cụ thể như sau:

a) Tổ chức giám định xây dựng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

b) Rà soát các công trình xây dựng thuộc đối tượng phải đánh giá an toàn công trình, tiếp nhận và cho ý kiến về kết quả đánh giá an toàn công trình theo quy định tại khoản 3 Điều 38, khoản 3, khoản 4 Điều 39 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

c) Tiếp nhận báo cáo, công bố công trình xây dựng hết thời hạn sử dụng theo thiết kế và xem xét, cho ý kiến về việc kéo dài thời hạn sử dụng của công trình theo quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 41 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

2. Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh quản lý nhà nước về chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng đối với các công trình được đầu tư xây dựng trên địa bàn được giao quản lý, cụ thể như sau:

a) Thực hiện các nội dung quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều này.

b) Xử lý đối với công trình có dấu hiệu nguy hiểm, không đảm bảo an toàn cho khai thác, sử dụng theo quy định tại khoản 2, 5 Điều 40 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

c) Thực hiện các nội dung quy định tại khoản 6 Điều 41 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

d) Chủ trì giải quyết sự cố, giám định nguyên nhân sự cố công trình xây dựng cấp II, cấp III; điều tra, giải quyết sự cố về máy, thiết bị.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý nhà nước về chất lượng thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng đối với các công trình được đầu tư xây dựng trên địa bàn do xã quản lý, trừ các trường hợp thuộc thẩm quyền của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh quy định tại khoản 2 Điều này, cụ thể như sau:

a) Thực hiện các nội dung quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều này; chủ trì giải quyết đối với sự cố công trình xây dựng cấp II, cấp III trên địa bàn theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 45 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP và điều tra về sự cố về máy, thiết bị đối với các công trình sau: (i) Công trình sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư và được phân cấp quyết định đầu tư; (ii) Công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn khác từ cấp II trở xuống; (iii) Công trình trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ là tài sản công do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân cấp xã được giao làm chủ sở hữu hoặc người quản lý sử dụng công trình.

b) Xử lý đối với công trình có dấu hiệu nguy hiểm, không đảm bảo an toàn cho khai thác, sử dụng theo quy định tại khoản khoản 2, 5 Điều 40 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

c) Thực hiện các nội dung quy định tại khoản 6 Điều 41 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

d) Quản lý xây dựng nhà ở riêng lẻ của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

**Chương III**

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

**Điều 12. Trách nhiệm thi hành**

1. Trách nhiệm của Sở Xây dựng:

a) Là cơ quan đầu mối giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất quản lý nhà nước về hoạt động xây dựng, quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh.

b) Thực hiện nhiệm vụ được phân cấp tại Điều 3, khoản 2 Điều 4, điểm a khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 5, Điều 6 và khoản 1 Điều 11 Quy định .

c) Chủ trì, phối hợp với các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành và các cơ quan có liên quan theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc thực hiện các nhiệm vụ được phân cấp theo Quy định này.

d) Kiểm tra định kỳ theo kế hoạch và kiểm tra đột xuất về công tác quản lý hoạt động xây dựng, quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng thuộc chuyên ngành quản lý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia xây dựng công trình trên địa bàn.

đ) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết sự cố, giám định nguyên nhân sự cố công trình xây dựng; điều tra, giải quyết sự cố về máy, thiết bị đối với công trình xây dựng thuộc chuyên ngành quản lý, trừ sự cố đã phân cấp cho Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 11 Quy định này.

e) Tổng hợp, xây dựng báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh để báo cáo Bộ Xây dựng theo định kỳ, hàng năm và đột xuất khi có yêu cầu về tình hình hoạt động xây dựng, quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh.

2. Trách nhiệm của các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành:

a) Thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động xây dựng, quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng đối với các công trình xây dựng thuộc chuyên ngành quản lý trên địa bàn tỉnh.

b) Thực hiện nhiệm vụ được phân cấp tại khoản 2 Điều 4, điểm a khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 5, Điều 6 và khoản 1 Điều 11 Quy định này .

c) Phối hợp với Sở Xây dựng theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra của cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc thực hiện nhiệm vụ thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở của dự án đầu tư xây dựng công trình và kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng đối với dự án, công trình thuộc chuyên ngành quản lý.

d) Tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Xây dựng định kỳ hàng năm (trước ngày 10 tháng 12) hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu về tình hình hoạt động xây dựng, quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng chuyên ngành do mình quản lý trên địa bàn.

3. Trách nhiệm của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh:

a) Thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động xây dựng, quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng đối với các công trình xây dựng trên địa bàn được giao quản lý.

b) Thực hiện nhiệm vụ được phân cấp tại điểm a khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 5, Điều 6, khoản 1 Điều 8, điểm b khoản 2 Điều 9 và khoản 2 Điều 11 Quy định này.

c) Theo dõi, hướng dẫn các tổ chức và cá nhân tham gia hoạt động xây dựng trong các khu công nghiệp, khu kinh tế thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

d) Kiểm tra định kỳ theo kế hoạch và kiểm tra đột xuất về công tác quản lý hoạt động xây dựng, quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng của các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia xây dựng công trình trên địa bàn được giao quản lý.

đ) Tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Xây dựng định kỳ hàng năm (trước ngày 10 tháng 12) hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu về tình hình hoạt động xây dựng, quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng được đầu tư xây dựng trên địa bàn được giao quản lý.

4. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động xây dựng, quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng đối với các công trình xây dựng trên địa bàn hành chính của xã.

b) Bảo đảm điều kiện về tài chính, nguồn nhân lực và điều kiện cần thiết khác để thực hiện nhiệm vụ được phân cấp tại khoản 1 Điều 4, khoản 2 và khoản 4 Điều 8, khoản 3 Điều 11 Quy định này.

c) Kiện toàn tổ chức của cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã cho phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước ở địa phương; sắp xếp, bố trí cán bộ, công chức đảm bảo đủ số lượng theo vị trí việc làm, có đủ năng lực, trình độ chuyên môn để thực hiện công tác thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở của dự án đầu tư xây dựng công trình và kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng theo phân cấp.

d) Chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở của dự án đầu tư xây dựng công trình và kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng của cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã theo đúng nội dung được phân cấp.

đ) Phối hợp với Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành kiểm tra công trình xây dựng trên địa bàn khi được yêu cầu.

e) Kiểm tra định kỳ theo kế hoạch và kiểm tra đột xuất về công tác quản lý hoạt động xây dựng, quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng của các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia xây dựng công trình trên địa bàn theo phân cấp.

g) Phối hợp với Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết sự cố, giám định nguyên nhân sự cố công trình xây dựng; điều tra, giải quyết sự cố về máy, thiết bị đối với công trình xây dựng trên địa bàn theo quy định.

h) Tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Xây dựng, các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành định kỳ hàng năm (trước ngày 10 tháng 12) hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu về tình hình quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn.

5. Trách nhiệm của cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã về việc thực hiện nhiệm vụ theo phân cấp tại điểm a khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 5, Điều 6, Điều 10 Quy định này.

Khi ban hành văn bản thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở, kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng theo phân cấp gửi chủ đầu tư, đồng thời phải gửi cho Sở Xây dựng và các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành để tổng hợp, theo dõi.

b) Tham mưu, đề xuất với Ủy ban nhân dân cấp xã bảo đảm các nguồn lực và điều kiện cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ được phân cấp.

c) Báo cáo theo định kỳ, hàng năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu về tình hình báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở của dự án đầu tư xây dựng công trình và kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng gửi Sở Xây dựng và các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành để tổng hợp.

**Điều 13. Xử lý chuyển tiếp**

1. Dự án, công trình xây dựng đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp tỉnh thông báo kết quả thẩm định trước ngày Quy định này có hiệu lực thì không phải thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở theo quy định của Quy định này; việc thực hiện các bước tiếp theo (bao gồm việc thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi các giai đoạn còn lại của dự án đã được thẩm định một phần theo giai đoạn thực hiện, thẩm định thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở của các công trình còn lại của dự án, điều chỉnh dự án, thiết kế xây dựng) thực hiện theo Quy định này.

2. Trường hợp dự án đầu tư xây dựng đã được cấp giấy phép xây dựng theo giai đoạn hoặc cho một hoặc một số công trình của dự án trước ngày Quy định này có hiệu lực thi hành, thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng đối với các giai đoạn tiếp theo hoặc các công trình còn lại của dự án được thực hiện theo Quy định này.

3. Công trình xây dựng khởi công trước ngày Quy định này có hiệu lực thi hành thuộc đối tượng kiểm tra công tác nghiệm thu của cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp tỉnh nhưng chưa được cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp tỉnh tổ chức kiểm tra công tác nghiệm thu thì thẩm quyền kiểm tra công tác nghiệm thu thực hiện theo Quy định này; trường hợp công trình đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp tỉnh tổ chức kiểm tra công tác nghiệm thu trong quá trình thi công thì cơ quan này tiếp tục thực hiện việc kiểm tra công tác nghiệm thu khi hoàn thành thi công xây dựng công trình.

**Điều 14. Tổ chức thực hiện**

1. Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm triển khai, hướng dẫn chỉ đạo, tổ chức, kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

2. Các chủ đầu tư công trình, chủ sở hữu hoặc người quản lý sử dụng công trình và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thực hiện đúng các quy định pháp luật hiện hành về quản lý hoạt động xây dựng, quản lý chất lượng công trình xây dựng, thi công xây dựng công trình và bảo trì công trình xây dựng và các nội dung tại Quy định này.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan kịp thời phản ánh về Sở Xây dựng để được hướng dẫn hoặc tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.